

Bảy Bản Tâm Kinh Trong Đại Tạng
Seven Versions of the Heart Sutra in the Tripitaka

Đại Chánh Tập 8, Số 250-255, 257
Taisho Vol. 8, No. 250-255, 257

**Hán dịch: Cưu Ma La Thập, Huyền Tráng, Pháp Nguyệt, Bát Nhã,
Trí Tuệ Luân, Pháp Thành và Thí Hộ**

**Translated into Chinese: Kumārajīva, Hsuan-Tsang,
Dharmacandra, Prajnà, Prajnàcakra, Fa-cheng and Dānapāla**

Translated into Vietnamese & English : Nguyễn Tánh

November 2009



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Bảy Bản Tâm Kinh Trong Đại Tạng Đại Chánh Tập 8, Số 250-255, 257

Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, gọi tắt là Tâm Kinh, thường được tụng trong mỗi buổi lễ tại các chùa. Bản kinh này là của Ngài Huyền Trang (cũng gọi là Huyền Tráng) dịch từ bản chữ Phạn vào đời Đường. Ngoài bản này, trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng (Taisho Tripitaka) còn có sáu bản dịch khác. Trong **“Tâm Như Trí Thủ Toàn Tập”**, HT Trí Thủ đã ghi lại về các bản dịch này như sau:

1. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú Kinh (Taisho 250) , do ngài Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch đời Diêu Tần, vào khoảng năm 402 - 412 sau Tây lịch.
2. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 251), do ngài Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng phụng chiếu dịch vào đời Đường, năm 649.
3. Phổ biến Trí tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 252) do Pháp Nguyệt (Dharmacandra) dịch năm 732 đời Đường.
4. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 253), do Bát nhã (Prajñā) và Lợi Ngôn (Li yen) dịch năm 790 đời Đường.
5. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 254), do Trí Tuệ Luân (Prajñācakra) dịch năm 850 đời Đường
6. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 255), do Pháp Thành dịch năm 856. Bản này vừa tìm thấy được ở Đôn Hoàng.
7. Phật thuyết Thánh Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Taisho 257) , do Thi Hộ (Dānapāla) dịch năm 980 đời Tống.

Trong bảy bản Tâm Kinh nêu trên, hai bản của Cưu Ma La Thập và Huyền Trang tương đối ngắn gọn. Bản chữ Hán và phiên âm của Ngài Huyền Tráng chỉ có 260 chữ. Các bản dịch khác dài hơn vì được trình bày như một bản Kinh bắt đầu bằng “Như thị ngã văn (Tôi nghe như vậy)” của Ngài A-nan mà ta thường gặp trong các bản Kinh Đại Thừa.

Các bản kinh được dịch trong vòng sáu thế kỷ, từ bản dịch của Cưu Ma La Thập vào đầu thế kỷ thứ 5 cho đến bản dịch của Thi Hộ vào cuối thế kỷ thứ 10. Vì qua nhiều thời đại nên có nhiều thay đổi về ngôn từ, như bản dịch của Trí Tuệ Luân đời Đường đã dùng danh từ “Bạc Nga Phạm (薄伽梵)” để chỉ Đức Phật và “Bật-sô (苾芻)” để chỉ các Tỳ-kheo (比丘) đệ tử của Phật. Bản dịch của Pháp Thành cũng dùng danh từ “Bạc Già Phạm (薄伽梵)” và “Bật-sô”. Bản dịch của Thi Hộ

đời Tống không dùng “cứu cánh Niết-bàn (究竟涅槃)” như các bản dịch khác mà dùng “cứu cánh viên tịch (究竟圓寂)”.

Tâm Kinh có câu thần chú rất phổ biến “**Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ-đề Tát bà ha**”. HT Trí Thủ đã dịch nghĩa “*Qua đi, qua đi, qua bờ bên kia đi, hoàn toàn qua bờ bên kia đi, thì có bồ đề. Ngài khéo nói như vậy*”. Câu chú này được phiên âm qua chữ Hán từ nguyên văn chữ Phạn

गते गते पारगते पारसंगते बोधि स्वाहा

Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate Bodhi svāhā

Các bản dịch cũng có khác biệt trong cách phiên âm câu Thần chú từ chữ Phạn sang chữ Hán. Chữ " गते - Gate (Qua đi)" thường được phiên âm bằng hai chữ Yết đế (揭帝). Chữ “Gate” này được phiên âm là “Kiệt đế” (竭帝) trong bản dịch của Cưu Ma La Thập và “Nghịệt đế” (業諦) trong bản dịch của Bát Nhã. Bản dịch của Trí Tuệ Luân và của Thích Hộ đã phiên âm thành “Nga đế” (訖帝).

Trong bảy bản dịch, bản của Ngài Huyền Trang được xem là ngắn gọn và hoàn chỉnh nhất. Vì thế bản này thường được đọc tụng trong các buổi lễ.

Nguyễn Tánh Trần tiền Khanh

Seven Versions of the Heart Sutra in the Tripitaka Taisho Vol. 8, No. 250-255, 257

The Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra, better known by its abbreviated name as Heart Sutra, is often recited during ceremonies at the Mahayana pagodas. The recited version was translated by Hsuan-Tsang from Sanskrit during the Tang dynasty. In addition to this version, there are six other translations in the Taisho Tripitaka. In his Collected Works, Most Venerable Tri Thū had written about these translations as follow:

1. Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Great Bright Mantra Sutra (Taisho 250) translated by Kumārajīva during the Yao Qin Dynasty, about 402 - 412 CE.
2. Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho 251) translated by Hsuan-Tsang in 649 CE during the Tang Dynasty.
3. Universal Wisdom Store Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho 252) translated by Dharmacandra in 732 CE during the Tang Dynasty.
4. Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho 253) translated by Prajñā and Li-yen in 790 CE during the Tang Dynasty.
5. Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho 254) translated by Prajñācakra in 850 CE during the Tang Dynasty.
6. Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho 255) translated by Fa-cheng in 856. This translation was found in Dunhuang.
7. Buddha speaks the Buddha Mother Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra (Taisho translated by Dānapāla in 980 during the Song Dynasty.

Among the above seven translations, those by Kumārajīva and Hsuan-Tsang are relatively short. The Hsuan-Tsang version has only 260 words. The other five translations are longer since they are presented as a complete sutra that begins with “Thus have I heard”. These words are spoken by Anan as commonly occurred in Mahāyāna sutras.

The seven translations were performed over six centuries, from the first translation by Kumārajīva at the beginning of the 5th century to the last translation by Dānapāla near the end of the 10th century. Since they span over several epochs, there are some differences in Buddhist terminology. For example, the version by Prajñācakra during the Tang Dynasty has used the term “Bạc Nga Phạm” (薄識梵), which is a translation of Bhavagat, to designate the Buddha and “Bật-sô (苾芻)” for the bhikshus (比丘) who are the disciples of Buddha. The translation by Fa-cheng also used an-

other version of Bhavagat, “Bạc Già Phạm” (薄伽梵), for the Buddha và “Bật-sô”. The Dānapāla version did not use the expression “reach the Final Nirvana (究竟涅槃)” as in other versions but it had used “reach the Final Death (究竟圓寂)” instead.

The Heart Sutra has a very popular mantra (spell) “**Yét đé, Yét đé, Ba la Yét đé, Ba la tǎng Yét đé, Bò-đề Tát bà ha** 「揭帝 揭帝 般羅揭帝 般羅僧揭帝 菩提 僧莎訶」”. It can be translated in English as “Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond Praise to Enlightenment”. This mantra has been transcribed from the following original in Sanskrit

गते गते पारगते पारसंगते बोधि स्वाहा

Gate Gate Pāragate Pārasaṅgate Bodhi svāhā

There are also some differences in transcribing the above mantra (spell) from Sanskrit into Chinese. The term "गते - Gate ” is often transcribed by “Yét đé” (揭帝). This term “Gate” has been transcribed by “Kiệt đế” (竭帝) in the Kumārajīva version and "Nghịệt đế" (業諦) in the Prajna version. It was transcribed as “Nga đế” (訖帝) in the versions by Prajnācakra and Dānapāla.

Among the seven translations, the version by Hsuan-Tsang is considered to be the most concise and complete. Hence, it has often been used in all sutra recitals.

Nguyễn Tánh Trần tiến Khanh

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Wed May 20 23:48:38 2009

=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 250 摩訶般若波羅蜜大明呪經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 250 Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 250 Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 250 Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Great Bright Mantra (Spell) Sutra

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.11 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2007/12/14

摩訶般若波羅蜜大明呪經

Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Great Bright Mantra (Spell) Sutra

姚秦天竺三藏鳩摩羅什譯

Diêu Tần Thiên-Trúc Tam Tạng Cưu-ma La-thập dịch

Diêu Tần Thiên-Trúc Tam Tạng Cưu-ma La-thập dịch

Translated by Tripitaka Master Kumārajīva from India during the Yao Qin Dynasty

觀世音菩薩，行深般若波羅蜜時，

Quán Thế Âm Bồ Tát，hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật thời，

Khi Quán Thế Âm Bồ Tát hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật，

When Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) practiced the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom),

照見五陰空，度一切苦厄。 「舍利弗！色空故無惱壞相，
chiếu kiến ngũ uẩn không , độ nhất thiết khổ ách 。 「Xá-lợi-phất ! sắc không cố
vô não hoại tướng ,
soi thấy năm uẩn đều không , vượt mọi khổ ách 。 「Xá-lợi-phất ! sắc tức là không
nên không có ý niệm phiền não và hoại diệt ,
he perceived that all five skandhas (aggregates) are empty in their own nature and, thus,
liberated himself from all sufferings and difficulties 。 「Śāriputra ! Form is emptiness
and, therefore, has no notion of suffering and extinction ,

受空故無受相，想空故無知相，行空故無作相，
thọ không cố vô thọ tướng , tưởng không cố vô tri tướng , hành không cố vô tác
tướng ,
thọ tức là không nên không có ý niệm cảm nhận , tưởng tức là không nên không có ý
niệm biết , hành tức là không nên không có ý niệm tác động ,
Feeling is emptiness and, therefore, has no notion of reception , Perception is
emptiness and, therefore, has no notion of recognition ,
Volition is emptiness and, therefore, has no notion of action ,

識空故無覺相。何以故？舍利弗！非色異空，
thức không cố vô giác tướng 。 hà dĩ cố ? Xá-lợi-phất ! phi sắc dị không ,
thức tức là không nên không có ý niệm biết 。 Vì sao ? Xá-lợi-phất ! phi sắc khác
không ,
Consciousness is emptiness and, therefore, has no notion of recognition . Why ?
Śāriputra ! Non-form is different from emptiness ,

非空異色。色即是空，空即是色。
phi không dị sắc 。 Sắc tức thị không , không tức thị sắc 。

phi không khác sắc 。 Sắc tức là không , không tức là sắc 。

Non-emptiness is different from form . Form is emptiness and emptiness is form 。

受、想、行、識亦如是。 「舍利弗！是諸法空相，不生不滅，

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức diệt như thị 。

 「Xá-lợi-phất ! thị chư pháp không tướng
， bất sanh bất diệt 。

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức cũng như vậy 。

 「Xá-lợi-phất ! Tướng không ấy của các
pháp ， không sanh không diệt 。

So are feelings 、 perceptions, volitions and consciousness . Śāriputra ! The
characteristic of emptiness of all things is neither created nor destroyed 。

不垢不淨，不增不減。是空法，非過去、非未來、非現在。

bất cấu bất tịnh ， bất tăng bất giảm 。

 thị không pháp ， phi quá khứ、 phi vị lai、 phi
hiện tại 。

chẳng dơ chẳng sạch ， không tăng không giảm 。

 Tướng không ấy của các pháp ，
không có quá khứ、 không có tương lai、 cũng không có hiện tại 。

neither clean nor pure , neither increasing nor decreasing . The characteristic of
emptiness of all things does have neither past, future nor present 。

是故空中無色，無受、想、行、識，

thị cố không trung vô sắc ， thị cố、 tưởng 、 hành 、 thức 。

vì vậy trong Không không sắc ， cũng như vậy với、 tưởng 、 hành 、 thức 。

Thus, in Emptiness there is no form . So are feeling , volition , consciousness 。

無眼、耳、鼻、舌、身、意，無色、聲、香、味、觸、法，無眼界乃至無意識界，

vô nhãn、 nhĩ、 tỷ、 thiệt、 thân、 ý ， vô sắc、 thanh、 hương、 vị、 xúc、 Pháp 。

 vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới 。

không mắt、 tai、 mũi、 lưỡi、 thân、 ý ， không sắc、 tiếng、 hương、 mùi、
xúc、 Pháp 。

 không nhãn giới cho đến không ý thức giới 。

no eye , no ear , no nose , no tongue , no body , no mind , no form, no sound , no smell , no taste , no sensation , no Dharma , no realm of sight even no realm of consciousness ,

無無明亦無無明盡，乃至無老死無老死盡，

vô vô minh diệt vô vô minh tận , nãi chí vô lão tử vô lão tử tận ,

không vô minh cũng không hết vô minh , cho đến không già chết cũng không hết sự già chết ,

no ignorance even no end of ignorance , even no old age and death (jarāmaraṇa) and no end of old age and death (jarāmaraṇa)

無苦、集、滅、道，無智亦無得。 「以無所得故，

vô khổ、tập、diệt、đạo， vô trí diệt vô đắc。 「dĩ vô sở đắc cố，

không khổ、tập、diệt、đạo， không trí cũng không đắc。 「Vì không sở đắc nên

no suffering、no accumulating、no destroying、no Way；no wisdom and also no attainment。 Since there is no attainment，

菩薩依般若波羅蜜故，心無罣礙。無罣礙故，

Bồ-tát y Bát-nhã Ba-la-mật cố， tâm vô quái ngại。 vô quái ngại cố，

Bồ-tát nương nhờ Bát-nhã Ba-la-mật nên tâm không bị chướng ngại。 Vì không bị chướng ngại nên

therefore the Bodhisattvas depended on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and their mind is not obstructed；without any obstruction/hindrance，

無有恐怖，離一切顛倒夢想苦惱，究竟涅槃。

vô hữu khủng bố， ly nhất thiết điên đảo mộng tưởng khổ não， cứu cánh Niết Bàn。

không có lo sợ， xa lìa mọi điên đảo mộng tưởng khổ não， và cứu cánh Niết Bàn。

they have no fear, purge all delusions and inversions， and reach Final Nirvana。

三世諸佛依般若波羅蜜故，

tam thể chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật cố，

Chư Phật ba đời nương theo Bát-nhã Ba-la-mật nên

The Buddhas in three generations depended on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) to

得阿耨多羅三藐三菩提。 「故知般若波羅蜜是大明呪，無上明呪，

đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề。 「cố tri Bát-nhã Ba-la-mật thị Đại minh chú， vô thượng minh chú，

chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。 「Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật này là Đại minh chú， là minh chú vô thượng，

attain Supreme and Perfect Enlightenment。 「Therefore it should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

無等等明呪，能除一切苦，真實不虛。

vô đẳng đẳng minh chú， năng trừ nhất thiết khổ， chân thật bất hư。

là minh chú không gì sánh bằng， có thể trừ mọi khổ não， chân thật không sai。

is the unsurpassed mantra (spell) . It can liberate from all sufferings, it is true and not false .

故說般若波羅蜜呪。

cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật chú。

Nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật。

Thus recite the Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (spell) 。

」 即說呪曰：「竭帝 竭帝 波羅竭帝 波羅僧竭帝 菩提

」 tức thuyết chú viết：「kiệt đế kiệt đế ba la kiệt đế ba la tăng kiệt đế Bồ-đề

」 nên nói chú rằng：「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế Bồ-đề

The mantra (spell) is thus spoken : गते गते पारगते पारसंगते [*Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate*] [*Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond*]

僧莎呵」

tát bà ha 」

Tát bà ha 」

बोधि स्वाहा [*Bodhi svāhā*] [*Praise to Enlightenment*]

摩訶般若波羅蜜大明呪經

Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật Đại Minh Chú Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Great Bright Mantra (Spell) Sutra

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.12 (UTF-8) Normalized Version, Release Date:
2006/04/12

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

唐三藏法師玄奘譯

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

Translated by Tripitaka Master Hsuan-Tsang during the Tang Dynasty

觀自在菩薩行深般若波羅蜜多時，

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa thời，

Quán Tự Tại Bồ Tát khi hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa，

When Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) practiced the profound
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom),

照見五蘊皆空，度一切苦厄。 「舍利子！色不異空，

chiếu kiến ngũ uẩn giai không， độ nhất thiết khổ ách。 「Xá-lợi-tử！ sắc bất dị
không，

soi thấy năm uẩn đều không， vượt mọi khổ ách。 「Xá-lợi-tử！ sắc chẳng khác
không，

he perceived that five skandhas (aggregates) are empty in their own nature and, thus, liberated himself from all sufferings and difficulties 。 「Śāriputra ! Form is not different from emptiness ,

空不異色；色即是空，空即是色。受、想、行、識，
không bất dị sắc ; sắc tức thị không , không tức thị sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức
,
không chẳng khác sắc ; sắc tức là không , không tức là sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành
、 thức ,
and emptiness not different from form ; form is emptiness and emptiness is form 。
So are feelings 、 perceptions, volitions and consciousness .

亦復如是。 「舍利子！是諸法空相，不生不滅，不垢不淨，
diệc phục như thị 。 「Xá-lợi-tử ! thị chư pháp không tướng , bất sanh bất diệt , bất
cấu bất tịnh ,
cũng lại như vậy 。 「Xá-lợi-tử ! Tướng không ấy của các pháp , không sanh không
diệt , không dơ không sạch ,

「Śāriputra ! This sign of emptiness of things is neither created nor destroyed (neither
arising nor ceasing) , neither dirty nor pure ,

不增不減。是故，空中無色，
bất tăng bất giảm 。 thị cố , không trung vô sắc ,
không tăng không giảm 。 vì vậy , trong Không , không sắc ,
neither increasing nor decreasing 。 For this reason , in emptiness there is no form
(arūpa)

無受、想、行、識；無眼、耳、鼻、舌、身、意；無色、聲、香、味、觸、法；無眼界，
vô thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ; vô nhãn 、 nhĩ 、 tỷ 、 thiệt 、 thân 、 ý ; vô sắc 、
thanh 、 hương 、 vị 、 xúc 、 Pháp ; vô nhãn giới ,

không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;
không sắc, tiếng, hương, mùi, xúc, Pháp; không nhãn giới,
no feeling (*vedanā*), no perception (*samjñā*), no volition (*samskāra*), no consciousness
(*viññāna*); no eye, no ear, no nose, no tongue, no body, no mind; no form
(*arūpa*), no sound, no smell, no taste, no sensation, no Dharma; no realm of
sight,

乃至無意識界; 無無明亦無無明盡,
nāi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận,
cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không hết vô minh,
even no realm of consciousness; no ignorance even no end of ignorance,

乃至無老死亦無老死盡; 無苦、集、滅、道; 無智, 亦無得。
nāi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí, diệt vô đắc
。
cho đến không già chết cũng không hết sự già chết; không khổ, tập, diệt, đạo
; không trí, cũng không đắc。
even no old age and death (*jarāmaraṇa*) and no end of old age and death (*jarāmaraṇa*)
; no suffering, no accumulating, no destroying, no Way; no wisdom and also no
attainment。

「以無所得故, 菩提薩埵依般若波羅蜜多故,

「dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề Tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố,

「Bởi không sở đắc, Bồ-tát nương theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên,

「Since there is no attainment, therefore the Bodhisattvas depended on
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and

心無罣礙; 無罣礙故, 無有恐怖, 遠離顛倒夢想,

tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng

tâm không bị chướng ngại ; không bị chướng ngại nên không có lo sợ , xa lìa mộng tưởng điên đảo ,

their mind is not obstructed ; without any obstruction/hindrance , they have no fear, purge all delusions and inversions ,

究竟涅槃。三世諸佛依般若波羅蜜多故，

cứu cánh Niết Bàn 。 Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật đa cố ,

cứu cánh Niết Bàn 。 Chư Phật ba đời nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên ,

and reach Final Nirvana 。 The Buddhas in three generations depended on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) to

得阿耨多羅三藐三菩提。 「故知般若波羅蜜多，

đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề 。 「cố tri Bát-nhã Ba-la-mật đa ,

chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 。 Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa

attain Supreme and Perfect Enlightenment 。 「Therefore it should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

是大神咒，是大明咒，是無上咒，是無等等咒，

thị đại thần chú , thị đại minh chú , thị vô thượng chú , thị vô đẳng đẳng chú ,

này là đại thần chú , là đại minh chú , là chú vô thượng , là chú không gì sánh bằng ,

is a great magical mantra (spell) , a great bright mantra (spell) and the unsurpassed mantra (spell) .

能除一切苦真實不虛，故說般若波羅蜜多咒。

năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư , cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa chú 。

có thể trừ mọi khổ ách, chân thật không sai , Nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。

It can liberate from all sufferings, it is true and not false . Thus recite the Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (spell) 。

」即說咒曰：

」 tức thuyết chú viết :

」 nên nói chú rằng :

」 The mantra (spell) is thus spoken :

「揭帝 揭帝 般羅揭帝 般羅僧揭帝

「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế

「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṅgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

菩提 僧莎訶」

Bồ-đề Tát bà ha 」

Bồ-đề Tát bà ha 」

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā 」

Praise to Enlightenment

=====

=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 252 普遍智藏般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 252 Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 252 Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 252 Universal Wisdom Store Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

普遍智藏般若波羅蜜多心經

Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Universal Wisdom Store Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

摩竭提國三藏沙門法月重譯

Ma-kiệt-đề quốc Tam Tạng Sa Môn Pháp Nguyệt trọng dịch

Nước Ma-kiệt-đề Tam Tạng Sa Môn Pháp Nguyệt trọng dịch

Translated by Tripitaka Master from Magadha Dharmacandra

如是我聞： 一時佛在王舍大城靈鷲山中，

như thị ngã văn： 一 thời Phật tại Vương Xá đại thành Linh Thú sơn trung，

Tôi nghe như vậy： Một thời Phật ở trong núi Linh Thú gần đại thành Vương Xá，

Thus have I heard: Once, the Buddha was in the Gṛdhrakūṭa-parvata (Vulture Peak) near the great city of Rājagṛha

與大比丘眾滿百千人，

dữ Đại Tỳ-kheo chúng mãn bách thiên nhân，

cùng chúng trăm ngàn Đại Tỳ-kheo，

with an assembly of one hundred thousand Great Bhikshus

菩薩摩訶薩七萬七千人俱，
Bồ-Tát Ma-ha-tát thất vạn thất thiên nhân câu，
và bảy vạn bảy ngàn Đại Bồ-Tát đều hội họp，
and seventy seven thousand Great Bodhisattvas

其名曰觀世音菩薩、文殊師利菩薩、彌勒菩薩等，以為上首。皆得三昧總持，
kỳ danh viết Quán Thế Âm Bồ-tát、Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát、Di Lặc Bồ-tát đẳng，đĩ vi
thượng thủ。giai đắc tam muội tổng trì，
Các vị Bồ-tát tên Quán Thế Âm Bồ-tát、Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát、Di Lặc Bồ-tát，làm
thượng thủ。đều chứng được tam muội tổng trì，
These Bodhisattvas included Bodhisattva Perceiver of World Cries (Avalokitesvara)、
Bodhisattva Manjushri、Bodhisattva Meitreyā etc ... These are the leaders。and all
have attained the dhāraṇī Samadhi (spell concentration)，

住不思議解脫。
trú bất tư nghị giải thoát。
trú tại giải thoát không thể nghĩ bàn。
and resided in inconceivable liberation。

爾時觀自在菩薩摩訶薩在彼敷坐，
nhĩ thời Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát tại bỉ phu tọa，
Lúc bấy giờ Quán Tự Tại Đại Bồ-tát đang ngồi，
At that time the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) was sitting down，

於其眾中即從座起，詣世尊所。面向合掌，曲躬恭敬，
ư kỳ chúng trung tức tùng tọa khởi，ngộ Thế Tôn sở。diện hướng hợp chưởng，
khúc cung cung kính，

trong hội chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy , đến gần Thế-Tôn 。 mặt hướng Phật chấp tay , cong thân mình cung kính ,

in the assembly, arose from his seat , approached the World-Honored One 。 Facing the Buddha and with his palms joined together and his upper body bent in respect ,

瞻仰尊顏而白佛言：「世尊！我欲於此會中，

chiêm ngưỡng tôn nhan nhi bạch Phật ngôn：「Thế Tôn！ngã dục ư thử hội trung，
chiêm ngưỡng dáng mặt tôn kính của Phật và bạch Phật rằng：「Thế-Tôn！Con muốn tại đây trong hội chúng，

he admired the honored visage of the Buddha and said to Buddha：「World-Honored One！I want，in this assembly，

說諸菩薩普遍智藏般若波羅蜜多心。

thuyết chư Bồ-tát phổ biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật đa tâm。

nói tâm Phổ Biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa của các Bồ-tát。

speak the mind of Universal Wisdom Store Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) of all Bodhisattvas 。

唯願世尊聽我所說，為諸菩薩宣祕法要。」爾時，

duy nguyện Thế Tôn thính ngã sở thuyết，vi chư Bồ-tát tuyên bí pháp yếu 。」nhĩ thời

Con mong Thế-Tôn nghe những lời con nói，vì các Bồ-tát mà ban bố pháp yếu 。」Lúc bấy giờ，

I wish the World-Honored One to hear what I will speak，and for all Bodhisattvas declare the important Dharma 。」At that time，

世尊以妙梵音告觀自在菩薩摩訶薩言：「善哉，

Thế Tôn dĩ diệu Phạm Âm cáo Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát ngôn：「Thiện tai，

Thế-Tôn dùng Phạm Âm vi diệu bảo Quán Tự Tại Đại Bồ-tát：「Lành thay，

World-Honored One used the wonderful Pure Voice to tell the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「Excellent ,

善哉！具大悲者。聽汝所說，與諸眾生作大光明。

Thiện tai ! cụ đại bi giả 。 thính nhữ sở thuyết , dĩ chư chúng sanh tác đại quang minh 。

Lành thay ! Bạc đầy đủ đại bi 。 Ta nghe Ông nói cùng các chúng sanh và Ta khởi xướng đại quang minh 。

Excellent ! The Great Compassionate One 。 I will listen to what you will speak with all sentient beings and I will start the great light 。

」於是觀自在菩薩摩訶薩蒙佛聽許，

」 ư thị Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát mông Phật thính hứa ，

」 Lúc ấy Quán Tự Tại Đại Bồ-tát nhờ Phật nghe theo ，

At that time, the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara), with the approval of the Buddha and

佛所護念，入於慧光三昧正受。入此定已，

Phật sở hộ niệm ， nhập ư tuệ quang tam muội chánh thọ 。 nhập thử định dĩ ，

và Phật hộ niệm ， nhập vào Tuệ quang tam muội chánh thọ 。 Nhập vào định ấy xong ，

his assistance, entered the Samadhi (concentration) of Correct Wisdom Light . After entering this Samadhi,

以三昧力行深般若波羅蜜多時，照見五蘊自性皆空。

dĩ tam muội lực hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa thời ， chiếu kiến ngũ uẩn tự tánh giai không 。

Bồ-tát dùng sức tam muội hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ， liền soi thấy tự tánh của năm uẩn đều không 。

the Bodhisattva used its power to practice the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom), and to perceive that the five skandhas/aggregates are all empty in their own nature .

彼了知五蘊自性皆空，從彼三昧安詳而起。

bỉ liễu tri ngũ uẩn tự tánh giai không , tòng bỉ tam muội an tường nhi khởi 。

Biết rõ tự tánh của năm uẩn đều không , Bồ Tát theo tam muội an tường mà khởi dậy 。

Knowing clearly that the nature of five skandhas/aggregates is empty , the Bodhisattva exited from that peaceful samadhi and 。

即告慧命舍利弗言：「善男子！菩薩有般若波

tức cáo tuệ mạng Xá-lợi-phất ngôn：「Thiện nam tử！Bồ-tát hữu Bát-nhã Ba

liền bảo huệ mạng Xá-lợi-phất：「Thiện nam tử！Bồ-tát có tâm Bát-nhã Ba

then told the wisdom-life of Śāriputra：「Good Son！Bodhisattvas have the mind of Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

羅蜜多心，名普遍智藏。汝今諦聽，善思念之。

la-mật-đa tâm , danh phổ biến Trí Tạng 。 nhữ kim đế thính , thiện tư niệm chi 。

la-mật-đa , tên Phổ biến Trí Tạng 。 Ông nay nghe kỹ , khéo nhớ nghĩ 。

which is called the Universal Wisdom Store 。 Now listen carefully , remember and think extensively 。

吾當為汝分別解說。」作是語已。

ngô đương vì nhữ phân biệt giải thuyết 。」 tác thị ngữ dĩ 。

Ta sẽ vì Ông mà giảng nói sự phân biệt 。」 Nghe nói như vậy 。

For you, I will explain the differences 。」 Hearing that 。

慧命舍利弗白觀自在菩薩摩訶薩言：「唯，

tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát ngôn：「duy ,

huệ mạng Xá-lợi-phất liền bạch Quán Tự Tại Đại Bồ-tát : 「

the wisdom-life of Śāriputra told the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara)
: 「

大淨者！願為說之。今正是時。

Đại Tịnh giả ! nguyện vì thuyết chi 。 kim chánh thị thời 。

Bậc Đại Tịnh ! Nguyện xin nói 。 nay đã đúng lúc 。

Great Pure One ! Please speak 。 now is the right time 。

」 於斯告舍利弗：「諸菩薩摩訶薩應如是學。色性是空，空性是色。色不異空，

」 ư tư cáo Xá-lợi-phất : 「chư Bồ-Tát Ma-ha-tát ứng như thị học 。 sắc tánh thị không , không tánh thị sắc 。 sắc bất dị không ,

」 Bồ-tát bảo Xá-lợi-phất : 「Các Đại Bồ-Tát nên tu học như thế này 。 Tánh sắc là không , tánh không là sắc 。 sắc chẳng khác không ,

」 The Bodhisattva told Śāriputra : 「 All Great Bodhisattvas should learn and practice in this manner 。 The nature of form is emptiness (śūnyata), the nature of emptiness is form 。 Form is not different from emptiness ,

空不異色。色即是空，空即是色。

không bất dị sắc 。 sắc tức thị không , không tức thị sắc 。

không chẳng khác sắc 。 sắc tức là không , không tức là sắc 。

and emptiness is not different from form 。 Form is emptiness , and emptiness is form
。

受、想、行、識亦復如是。識性是空，空性是識。識不異空，

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức diệc phục như thị 。 thức tánh thị không , không tánh thị thức 。 thức bất dị không ,

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức cũng lại như vậy 。 Tánh thức là không , tánh không là thức 。 thức chẳng khác không ,

So too are feeling , perception , volition , and consciousness 。 The nature of consciousness is emptiness (śūnyata) 。 and the nature of emptiness is consciousness. Consciousness is not different from emptiness ,

空不異識。識即是空，空即是識。舍利子！是諸法空相，
không bất dị thức 。 Thức tức thị không , không tức thị thức 。 Xá-lợi-tử ! thị chư pháp không tướng ,
không chẳng khác thức 。 Thức tức là không , không tức là thức 。 Xá-lợi-tử ! Tướng không ấy của các pháp ,
and emptiness is not different from consciousness 。 Consciousness is emptiness , and emptiness is consciousness 。 Śāriputra ! This characteristic of emptiness of all things is

不生不滅、不垢不淨、不增不減。
bất sanh bất diệt 、 bất cấu bất tịnh 、 bất tăng bất giảm 。
không sanh không diệt 、 chẳng đơ chẳng sạch 、 không tăng không giảm 。
is neither created nor destroyed (neither arising nor ceasing) 、 neither dirty nor pure 、 neither increasing nor decreasing (neither adding nor subtracting) 。

是故空中無色，無受、想、行、識，無眼、耳、鼻、舌、身、意，
thị cố không trung vô sắc , vô thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức , vô nhãn 、 nhĩ 、 tỷ 、 thiệt 、 thân 、 ý ,
vì vậy trong Không không sắc , không thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức , không mắt 、 tai 、 mũi 、 lưỡi 、 thân 、 ý ,
Hence, in emptiness there is no form (arūpa) 、 no perception 、 no volition 、 no consciousness , no eye 、 no ear 、 no nose 、 no tongue 、 no body 、 no mind ,

無色、聲、香、味、觸、法，無眼界乃至無意識界。
vô sắc 、 thanh 、 hương 、 vị 、 xúc 、 pháp , vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới 。

không sắc 、 tiếng 、 hương 、 mùi 、 xúc 、 pháp , không nhãn giới cho đến không ý thức giới 。

no form (arūpa) 、 no sound 、 no smell 、 no taste 、 no sensation 、 no Dharma , no realm of sight even no realm of consciousness 。

無無明亦無無明盡，乃至無老死亦無老死盡。

vô vô minh diệt vô vô minh tận , nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận 。

không vô minh cũng không hết vô minh , cho đến không già chết cũng không hết sự già chết 。

no ignorance even no end of ignorance , even no old age and death (jarāmaṇa) and no end of old age and death (jarāmaṇa) 。

無苦、集、滅道，無智亦無得。以無所得故，

vô khổ 、 tập 、 diệt đạo , vô trí diệt vô đắc 。 dĩ vô sở đắc cố ,

không khổ 、 tập 、 diệt, đạo , không trí cũng không đắc 。 Vì không sở đắc nên ,

no suffering 、 no accumulating 、 no destroying 、 no Way , no wisdom and also no attainment 。 Since there is no attainment, therefore

菩提薩埵依般若波羅蜜多故，心無罣礙。無罣礙故，

Bồ-đề Tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố , tâm vô quái ngại 。 vô quái ngại cố ,

Bồ-tát nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên tâm không bị chướng ngại 。 Vì không bị chướng ngại nên ,

all Bodhisattvas depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and their mind is not obstructed 。 Without any obstruction/hindrance ,

無有恐怖，遠離顛倒夢想，究竟涅槃。

vô hữu khủng bố , viễn ly điên đảo mộng tưởng , cứu cánh Niết Bàn 。

không có lo sợ , xa lìa mộng tưởng điên đảo , cứu cánh Niết Bàn 。

they have no fear , purge all delusions and inversions to reach Final Nirvana 。

三世諸佛依般若波羅蜜多故，得阿耨多羅三藐三菩提。

tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố , đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề

。

Chư Phật ba đời nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 。

The Buddhas in three generations depend on this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) to attain the Supreme and Perfect Enlightenment 。

故知般若波羅蜜多是大神呪，是大明呪，

cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa thị Đại Thần chú , thị Đại minh chú ,

Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là Đại Thần chú , là Đại minh chú ,

It should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) is a great awesome mantra (spell) , is a great bright mantra (spell) ,

是無上呪，是無等等呪。能除一切苦，真實不虛。

thị vô thượng chú , thị vô đẳng đẳng chú 。 năng trừ nhất thiết khổ , chân thật bất hư

。

là chú vô thượng , là chú không gì sánh bằng 。 có thể trừ mọi khổ ách , chân thật không sai 。

is a supreme mantra (spell) , and is an unequalled mantra (spell) 。 It can liberate all sufferings , and it is true and not false 。

故說般若波羅蜜多呪。

cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú 。

Nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。

Thus recite the Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (spell) 。

」 即說呪曰：「揭諦 揭諦 波羅揭諦 波羅僧揭諦 菩提

」 tức thuyết chú viết : 「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế Bò-đề
」 nên nói chú rằng : 「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế
Bồ-đề

The mantra (spell) is thus spoken :

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

莎婆訶」

Tát bà ha 」

Tát bà ha 」

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā 」

Praise to Enlightenment

佛說是經已，諸比丘及菩薩眾，

Phật thuyết thị Kinh dĩ，chư Tỳ-kheo cập Bồ Tát chúng，

Phật nói Kinh này xong，các Tỳ-kheo cùng các Bồ Tát，

When Buddha finished speaking this Sutra，all Bhikshus and Bodhisattvas

一切世間天、人、阿脩羅、乾闥婆等，聞佛所說，皆大歡喜，

nhất thiết thế gian Thiên、nhân、A-tu-la、Càn thát bà đấng，văn Phật sở thuyết，

giai đại hoan hỷ，

tất cả Trời、người、A-tu-la、Càn-thát-bà ... trên thế gian nghe Phật nói xong，đều
rất hoan hỷ，

*and all the gods、humans、azuras、gandharvas ... in this world, after listening to the
Buddha，all were greatly elated，*

信受奉行。

tín thọ phụng hành 。

tin nhận và phụng hành 。

believed, accepted and faithfully practiced it。

普遍智藏般若波羅蜜多心經

Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Universal Wisdom Store Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

=====

=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 253 般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 253 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 253 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 253 Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

罽賓國三藏般若共利言等譯

Kế Tân quốc Tam Tạng Bát-nhã cộng Lợi Ngôn đẳng dịch

Nước Kế Tân Tam Tạng Bát-nhã cùng Lợi Ngôn dịch

Translated by Tripitaka Master Prajnā from Kucha and Li-yen

如是我聞： 一時佛在王舍城耆闍崛山中，

như thị ngã văn： 一 thời Phật tại Vương-Xá thành Kì-xà-Quật sơn trung，

Tôi nghe như vậy： Một thời Phật ở trong núi Kì-xà-Quật gần thành Vương Xá，

Thus have I heard: Once, the Buddha was in the Gṛdhrakūṭa-parvata (Vulture Peak) near the city of Rājagṛha

與大比丘眾及菩薩眾俱。時佛世尊即入三昧，

dữ Đại Tỳ-kheo chúng cộng Bồ Tát chúng câu。 thời Phật Thế tôn tức nhập tam muội，

cùng các Đại Tỳ-kheo và các Bồ Tát đều hội họp。 Lúc ấy, Phật Thế Tôn bèn nhập vào tam muội，

with an assembly of Great Bhikshus and Bodhisattvas。 At that time, the World-Honored Buddha entered into the samadhi

名廣大甚深。 爾時眾中有菩薩摩訶薩，

danh quảng đại thậm thâm。 爾 thời chúng trung hữu Bồ-Tát Ma-ha-tát，

tên Quảng đại thâm thâm 。 Lúc bấy giờ trong chúng có Đại Bồ-Tát
named Far and Wide and Very Profound 。 At that time, in the assembly, there was a
Great Bodhisattva

名觀自在。行深般若波羅蜜多時，照見五蘊皆空，
danh Quán Tự Tại 。 hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa thời ， chiếu kiến ngũ uẩn giai
không ，
tên Quán Tự Tại 。 Khi hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ， soi thấy năm uẩn đều
không ，
named Free Reflection (Avalokitesvara) 。 While practicing the profound Prajñāpāramitā
(Perfect Wisdom) ， the Bodhisattva perceived that the five aggregates are empty in their
own nature ，

離諸苦厄。即時舍利弗承佛威力，
ly chư khổ ách 。 tức thời Xá-lợi-phất thừa Phật uy lực ，
lìa xa các khổ ách 。 Lúc ấy Xá-lợi-phất nhờ oai lực của Phật ，
and liberated himself from all obstructions 。 At that time Śāriputra, helped by the
Buddha's power ，

合掌恭敬白觀自在菩薩摩訶薩言：「善男子！若有欲學甚
hợp chưởng cung kính bạch Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát ngôn ： 「Thiện nam tử ！
nhược hữu dục học thậm
chấp tay cung kính bạch Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát rằng ： 「Thiện nam tử ！ nếu muốn tu
học rất
put his hands together and respectfully told the Great Bodhisattva Free Reflection
(Avalokitesvara) ： 「 Good Son ！ To deeply learn

深般若波羅蜜多行者，云何修行？」如是問已。
thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành giả ， vân hà tu hành ？」 như thị vấn dĩ 。
sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hành giả phải làm sao để tu hành ？」 Hỏi như thế xong 。

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom , how should a practitioner practice ?」 He thus asked
◦

爾時觀自在菩薩摩訶薩告具壽舍利弗言：

nhĩ thời Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát cáo Cự thọ Xá-lợi-phất ngôn ：

Lúc bấy giờ Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát bảo Cự thọ Xá-lợi-phất rằng ：

At that time the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) told Elder Śāriputra ：

「舍利子！若善男子、善女人行甚深般若波羅

「Xá-lợi-tử ! nhược Thiện nam tử 、 Thiện nữ nhân hành thậm thâm Bát-nhã Ba La

「Xá-lợi-tử ! Nếu Thiện nam tử hay Thiện nữ nhân hành thậm sâu Bát-nhã Ba-la

「Śāriputra ! If Good sons and good women practice the profound Prajñāpāramitā
(Perfect Wisdom)

蜜多行時，應觀五蘊性空。舍利子！色不異空，

mật đa hành thời , ứng quán ngũ uẩn tánh không 。 Xá-lợi-tử ! sắc bất dị không ,
mật-đa , khi hành nên quán tánh không của năm uẩn 。 Xá-lợi-tử ! sắc chẳng khác
không ,

they should meditate on the nature of emptiness of the five skandhas/aggregates 。

Śāriputra ! Form is not different from emptiness ,

空不異色。色即是空，空即是色。

không bất dị sắc 。 sắc tức thị không , không tức thị sắc 。

không chẳng khác sắc 。 sắc tức là không , không tức là sắc 。

and emptiness is not different from form 。

◦

受、想、行、識亦復如是。舍利子！是諸法空相，

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức diệc phục như thị 。

,

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức cũng lại như vậy 。 Xá-lợi-tử ! Tướng không ấy của các pháp ,

So too are feeling 、 perception 、 volition 、 and consciousness 。 Śāriputra ! This nature of emptiness of all things is

不生不滅、不垢不淨、不增不減。是故空中無色，無受、想、行、識，
bất sanh bất diệt、bất cấu bất tịnh、bất tăng bất giảm。thị cố không trung vô sắc，
vô thọ、tưởng、hành、thức，
không sanh không diệt、chẳng dơ chẳng sạch、không tăng không giảm。Vì vậy trong
không không sắc，không thọ、tưởng、hành、thức，
neither created nor destroyed (neither arising nor ceasing)、neither dirty nor pure、
neither adding nor subtracting。For this reason in emptiness there is no form (arūpa)，
no perception、no volition、and no consciousness，

無眼、耳、鼻、舌、身、意，無色、聲、香、味、觸、法，
vô nhãn、nhĩ、tỷ、thiệt、thân、ý，vô sắc、thanh、hương、vị、xúc、Pháp，
không mắt、tai、mũi、lưỡi、thân、ý，không sắc、tiếng、hương、mùi、xúc
、Pháp，
no eye、no ear、no nose、no tongue、no body、no mind，no form (arūpa)、
no sound、no smell、no taste、no sensations、no Dharma，

無眼界乃至無意識界。無無明亦無無明盡，
vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới。vô vô minh diệt vô vô minh tận，
không nhãn giới cho đến không ý thức giới，không vô minh cũng không hết vô minh，
no realm of sight even no realm of consciousness。no ignorance even no end of
ignorance，

乃至無老死亦無老死盡。無苦、集、滅、道，無智亦無得。
nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận。vô khổ、tập、diệt、đạo，vô trí diệt vô đắc
。

cho đến không già chết cũng không hết sự già chết 。 không khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo
 , không trí cũng không đắc 。

even no old age and death (jarāmaraṇa) also no end of old age and death 。 no suffering
、 no accumulating 、 no destroying 、 no Way , no wisdom and also no attainment 。

以無所得故 ，

dĩ vô sở đắc cố ，

Vì không sở đắc nên ，

Since there is no attainment ，

菩提薩埵依般若波羅蜜多故心無罣礙。無罣礙故，無有恐怖，

Bồ-đề Tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố tâm vô quái ngại 。 vô quái ngại cố ， vô hữu
khủng bố ，

Bồ-tát nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên tâm không bị chướng ngại 。 Vì không bị
chướng ngại nên không lo sợ ，

all Bodhisattvas depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and their mind is not
obstructed 。 Since there is no obstruction/hindrane , they have no fear ，

遠離顛倒夢想，究竟涅槃。三世諸佛依般若波羅蜜多故，

viễn ly điên đảo mộng tưởng ， cứu cánh Niết Bàn 。 tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-
mật-đa cố ，

xa lìa mộng tưởng điên đảo ， cứu cánh Niết Bàn 。 Chư Phật ba đời nhờ Bát-nhã Ba-la-
mật-đa nên

purge all delusions and inversions to reach Final Nirvana 。 The Buddhas in three
generations depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) to

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề 。

chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 。

attain Supreme and Perfect Enlightenment 。

故知般若波羅蜜多是大神呪，是大明呪，是無上呪，
cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa thị Đại Thần chú , thị Đại minh chú , thị vô thượng chú

Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là Đại Thần chú , là Đại minh chú , là chú vô
thượng ,

It should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) is a great awesome
mantra (spell) , is a great bright mantra , is an unsurpassed mantra (spell)

是無等等呪。能除一切苦，真實不虛。

thị vô đẳng đẳng chú 。 năng trừ nhất thiết khổ , chân thật bất hư 。

là chú không gì sánh bằng 。 có thể trừ mọi khổ ách , chân thật không sai 。

and the unequalled mantra (spell) 。

故說般若波羅蜜多呪。

cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú 。

Nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。

Therefore recite Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (spell) 。

」 即說呪曰：「 鞞諦 鞞諦 波羅鞞諦 波羅僧鞞諦 菩提

」 tức thuyết chú : 「nghiệt đế nghiệt đế ba la nghiệt đế ba la tăng nghiệt đế
Bồ-đề

」 nên nói chú rằng : 「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế Bồ-
đề

The mantra (spell) is thus spoken :

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

娑(蘇紇反)婆訶

sa (tô hột phản)bà ha

Tát bà ha

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā」

Praise to Enlightenment

「如是，

「như thị，

「Đúng như thế，

Thus it is.

舍利弗！諸菩薩摩訶薩於甚深般若波羅蜜多行，應如是行。」如是說已。即時，
Xá-lợi-phất ! chư Bồ-Tát Ma-ha-tát ư thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa hành , ứng
như thị hành 。」 như thị thuyết dĩ 。 tức thời ,

Xá-lợi-phất ! Các Đại Bồ-Tát tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa , nên như thế mà
tu hành 。」 Lúc nói như thế xong ,

*Śāriputra ! All Great Bodhisattvas practice the profound Prajñāpāramitā (Perfect
Wisdom) and you should practice in such manner 。」 After finishing these words 。*

世尊從廣大甚深三摩地起，

Thế Tôn từng quảng đại thậm thâm tam-ma-địa khởi，

Thế-Tôn xuất tam-ma-địa rộng lớn và thâm sâu，

World-Honored One exited from the Wide and Profound samadhi，

讚觀自在菩薩摩訶薩言：「善哉，善哉！善男子！如是，如是！如汝所說。

tán Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát ngôn : 「Thiện tai , Thiện tai ! Thiện nam tử ! như
thị , như thị ! như nhữ sở thuyết 。

và khen ngợi Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát : 「Lành thay , Lành thay ! Thiện nam tử ! đúng
như thế , đúng như thế ! như Ông đã nói 。

*and praised the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「Excellent ,
Excellent ! Good son ! Thus it is, Thus it is ! As you said 。*

甚深般若波羅蜜多行，應如是行。如是行時，
thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành， ứng như thị hành。 như thị hành thời，
Muốn hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa， nên đúng như thế mà tu hành。 Khi đúng
như thế mà tu hành，

To practice the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)， you should practice as such。
。 Practicing in such manner，

一切如來皆悉隨喜。」 爾時世尊說是語已，
nhất thiết Như Lai giai tất tùy hỷ。 」 爾時 Thế Tôn thuyết thị ngữ dĩ，
tất cả các Như Lai đều tùy hỷ。 」 Lúc Đức Thế Tôn nói xong，
will make all Tathagatas happy。 」 When World-Honored One finished speaking，

具壽舍利弗大喜充遍，
Cụ thọ Xá-lợi-phất đại hỷ sung biến，
Cụ thọ Xá-lợi-phất rất vui mừng，
Elder Śāriputra was very happy

觀自在菩薩摩訶薩亦大歡喜。時彼眾會天、人、阿修羅、乾闥婆等，
Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát diệc đại hoan hỷ。 thời bỉ chúng hội Thiên、 nhân、 A-tu-
la、 Càn-thát-bà đẳng，
Quán Tự Tại Đại Bồ-tát cũng rất hoan hỷ。 Lúc ấy trong chúng hội, các Trời、 người
、 A-tu-la、 Càn-thát-bà ...，

The Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) was also very elated。 At that
time, in the assembly, all gods、 humans、 azuras、 gandharvas ...

聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行。
văn Phật sở thuyết， giai đại hoan hỷ， tín thọ phụng hành。
nghe Phật nói xong， đều rất hoan hỷ， tin nhận và phụng hành。
having listened to the Buddha， all greatly rejoiced， believed, accepted and faithfully
practiced。

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 254 般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 254 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 254 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 254 Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

唐上都大興善寺三藏沙門

Đường Thượng đô Đại Hưng Thiền tự Tam Tạng Sa Môn

Đường Thượng Kinh đô Đại Hưng Thiền tự Tam Tạng Sa Môn

Translated by Imperial Edict during the Tang Dynasty at the Great Prosperity
Pagoda

智慧輪奉 詔譯

Trí Tuệ Luân phụng chiếu dịch

Trí Tuệ Luân phụng chiếu dịch

by Tripitaka Master Prajñacakra

如是我聞： 一時薄伽梵住王舍城鷲峯山中，

như thị ngã văn： nhất thời Bạc Nga Phạm trú Vương-Xá thành Thửu Phong sơn
trung，

Tôi nghe như vậy： Một thời Đức Bạc Già Phạm (Thế Tôn) ở trong núi Thửu Phong gần
thành Vương-Xá，

Thus have I heard： Once, the Bhavagat was in Gṛdhrkūṭa-parvata (Vulture Peak) near
Rajagrika City，

與大苾芻眾及大菩薩眾俱。爾時，
dữ Đại bát sô chúng cập đại Bồ-tát chúng câu 。 nhĩ thời ，
cùng các Đại Tỳ-kheo và các đại Bồ-tát đều hội họp 。 Lúc bấy giờ ，
with an assembly of Great Bhikshus and Great Bodhisattvas 。 At that time ，

世尊入三摩地，名廣大甚深照見。

Thế Tôn nhập Tam-ma-địa ， danh quảng đại thậm thâm chiếu kiến 。

Thế-Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên Quảng đại thậm thâm, soi thấy 。

World-Honored One entered the samadhi named Far and Wide and Very Profound and perceived 。

時眾中有一菩薩摩訶薩，名觀世音自在。

thời chúng trung hữu nhất Bồ-Tát Ma-ha-tát ， danh Quán Thế Âm Tự Tại 。

trong chúng có một Đại Bồ-Tát tên Quán Thế Âm Tự Tại 。

in the assembly, one Great Bodhisattva named Perceiver of World Cries and Free Reflection (Avalokitesvara) 。

行甚深般若波羅蜜多行時，照見五蘊自性皆空。 即時具壽舍利子，

hành thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành thời ， chiếu kiến ngũ uẩn tự tánh giai không 。

tức thời cụ thọ Xá-lợi-tử ， khi tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ， soi thấy tự tánh của năm uẩn đều không

。 Lúc ấy Cụ thọ Xá-lợi-tử ，

who , while practicing the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom), perceived the five skandhas/aggregates are all empty in their own nature 。

Then Elder Śāriputra ，

承佛威神，合掌恭敬，

thừa Phật uy thần ， hợp chưởng cung kính ，

nhờ uy thần của Phật ， chấp tay cung kính ，

helped by the awesome powers of Buddha ， put his hands together and respectfully

白觀世音自在菩薩摩訶薩言：「聖者！若有欲學甚深般若波羅蜜多

bạch Quán Thế Âm tự tại Bồ-Tát Ma-ha-tát ngôn : 「Thánh Giả ! nhược hữu dục học
thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa

bạch Quán Thế Âm Tự Tại Đại Bồ-Tát rằng : 「Thánh Giả ! Nếu muốn tu học thâm
sâu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa

told the Great Bodhisattva Perceiver of World Cries and Free Reflection (Avalokitesvara)
: 「Honorable ! if we want to learn and practice the very profound Prajñāpāramitā
(Perfect Wisdom)

行，云何修行？」如是問已。爾時，

hạnh , vân hà tu hành ?」 như thị vấn dĩ 。 nhĩ thời ,

, phải làm sao để tu hành ?」 Hỏi như thế xong 。 Lúc bấy giờ ,

, how should we practice ?」 When he finished asking 。 then ,

觀世音自在菩薩摩訶薩告具壽舍利子言：「舍利子！若有善

Quán Thế Âm Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát cáo cụ thọ Xá-lợi-tử ngôn : 「Xá-lợi-tử !
nhược hữu thiện

Quán Thế Âm Tự Tại Đại Bồ-Tát bảo Cụ thọ Xá-lợi-tử rằng : 「Xá-lợi-tử ! nếu có Thiện
the Great Bodhisattva Perceiver of World Cries and Free Reflection (Avalokitesvara) told
Elder Śāriputra : 「Śāriputra ! if Good

男子、善女人，行甚深般若波羅蜜多行時，

nam tử 、 thiện nữ nhân , hành thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành thời ,

nam tử 、 hay Thiện nữ nhân , tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa , lúc tu hành ,

men and Good women practice the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) ,

應照見五蘊自性皆空，離諸苦厄。

ưng chiếu kiến ngũ uẩn tự tánh giai không , ly chư khổ ách 。

nhân soi thấy tự tánh của năm uẩn đều không , lìa xa các khổ ách 。

they should perceive that the five skandhas/aggregates are empty in their own nature
and purge all sufferings and obstructions 。

舍利子！色空，空性見色。色不異空，空不異色。

Xá-lợi-tử ! sắc không , không tánh kiến sắc 。 sắc bất dị không , không bất dị sắc 。

Xá-lợi-tử ! sắc không , tánh không thấy sắc 。 Sắc chẳng khác không , không chẳng khác sắc 。

Śāriputra ! Form is emptiness and the characteristic of emptiness (śūnyata) sees form 。 Form is not different from emptiness and emptiness is not different from form 。

是色即空，是空即色。受、想、行、識亦復如是。

thị sắc tức không , thị không tức sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức diệc phục như thị 。

sắc là không , không là sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức cũng lại như vậy 。

Form is emptiness and emptiness is form 。 So too are feelings 、 perception 、 volitions 、 and consciousness 。

舍利子！是諸法性相空，

Xá-lợi-tử ! thị chư pháp tánh tướng không ,

Xá-lợi-tử ! Tướng tánh không ấy của các pháp ,

Śāriputra ! The characteristic of emptiness of all things is ,

不生不滅、不垢不淨、不減不增。是故空中無色，無受、想、行、識，

bất sanh bất diệt 、 bất cấu bất tịnh 、 bất giảm bất tăng 。 thị cố không trung vô sắc , vô thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ,

không sanh không diệt 、 chẳng dơ chẳng sạch 、 không giảm không tăng 。 vì vậy trong Không không có sắc , không có thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ,

neither created nor destroyed (neither arising nor ceasing) 、 neither dirty nor pure 、 neither decreasing nor increasing 。 For this reason in emptiness, there is no form (arūpa) , no feeling 、 no perception 、 no volition 、 and no consciousness ,

無眼、耳、鼻、舌、身、意，無色、聲、香、味、觸、法，

vô nhãn 、 nhĩ 、 tỷ 、 thiệt 、 thân 、 ý , vô sắc 、 thanh 、 hương 、 vị 、 xúc 、 Pháp ,

không có mắt 、 tai 、 mũi 、 lưỡi 、 thân 、 ý , không có sắc 、 tiếng 、 hương 、 mùi
、 xúc 、 Pháp ,

no eye 、 no ear 、 no nose 、 no tongue 、 no body 、 no mind , no form (arūpa) 、
no sound 、 no smell 、 no taste 、 no sensations 、 no Dharma ,

無眼界乃至無意識界。無無明亦無無明盡，乃至無老死盡。

vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới 。 vô vô minh diệt vô vô minh tận , nãi chí vô lão
tử tận 。

không nhãn giới cho đến không ý thức giới 。 không vô minh cũng không hết vô minh
， cho đến không hết sự già chết 。

no realm of sight even no realm of consciousness 。 no ignorance also no end of
ignorance , even [no old age and death (jarāmarāṇa) and] no end of old age and death
(jarāmarāṇa) 。

無苦、集、滅、道，無智證無得。以無所得故，

vô khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo , vô trí chứng vô đắc 。 dĩ vô sở đắc cố ,

không khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo , không trí chứng không đắc 。 vì không sở đắc nên ,

no suffering 、 no accumulating 、 no destroying 、 no Way , no wisdom and no
attainment 。 Because there is no attainment ,

菩提薩埵依般若波羅蜜多住，心無障礙。

Bồ-đề Tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa trú , tâm vô chướng ngại 。

Bồ-tát nương trú Bát-nhã Ba-la-mật-đa , tâm không chướng ngại 。

all Bodhisattvas depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and their mind is without
obstruction 。

心無障礙故，無有恐怖，遠離顛倒夢想，究竟寂然。

tâm vô chướng ngại cố , vô hữu khủng bố , viễn ly điên đảo mộng tưởng , cứu cánh
tịch nhiên 。

tâm không chướng ngại nên , không có lo sợ , xa lìa mộng tưởng điên đảo , cứu cánh
tịch nhiên 。

With their unobstructed mind , they have no fear , purge all delusions and inversions to reach the Ultimate Extinction 。

三世諸佛依般若波羅蜜多故，

Tam thể chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật đa cố，

Chư Phật ba đời nương nhờ Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên，

The Buddhas in three generations depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

得阿耨多羅三藐三菩提，現成正覺。故知般若波羅蜜多，

đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề，hiện thành chánh giác。cố tri Bát-nhã Ba-la-mật đa，

chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác，hiện thành chánh giác。Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa，

to attain the Supreme and Perfect Enlightenment and become perfectly awakened (Sambodhi)。It should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

是大真言，是大明真言，是無上真言，

thị Đại chân ngôn，thị Đại Minh chân ngôn，thị vô thượng chân ngôn，

này là đại chân ngôn，là Đại Minh chân ngôn，là chân ngôn vô thượng，

is a great mantra (true words)，a great bright mantra (true words)，the unsurpassed mantra (true words)，

是無等等真言。能除一切苦，真實不虛。

thị vô đẳng đẳng chân ngôn。 năng trừ nhất thiết khổ，chân thật bất hư。

là chân ngôn không gì sánh bằng。Có thể trừ mọi khổ ách，chân thật không sai。

and the unequalled mantra (true words)。It can relieve all sufferings and it is true not false。

故說般若波羅蜜多真言。

cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa chân ngôn。

Nên nói chân ngôn Bát-nhã Ba-la-mật-đa。

The Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (true words) should be recited 。

」 即說真言：「唵(引) 誝帝 誝帝 播(引)囉誝帝 播(引)囉散誝帝

」 tức thuyết chân ngôn : 「úm (dẫn) nga đế nga đế bá (dẫn)La nga đế bá (dẫn)La tán nga đế

」 nên nói chân ngôn : 「úm (Phạn) (dẫn) Yết đế Yết đế Ba (dẫn) la Yết đế Ba (dẫn) la tăng Yết đế

The mantra (spell) is thus spoken :

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

冒(引)地 娑縛(二合)賀(引)

mạo (dẫn)địa sa phược (nhị hợp)hạ (dẫn)

Bồ (dẫn)đề Tát bà (hai hợp)ha (dẫn)

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā」

Praise to Enlightenment

「如是，舍利子！諸菩薩摩訶薩，

「như thị，Xá-lợi-tử！chư Bồ-tát Ma-ha-tát，

「đúng như thế，Xá-lợi-tử！các Đại Bồ-tát，

「It is so true，Śāriputra！All Great Bodhisattvas，

於甚深般若波羅蜜多行，應如是學。」爾時，

ư thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành，ưng như thị học。」nhĩ thời，

tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa，nên học như thế。」Lúc bấy giờ，

practicing the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) should do so 。」 At that time ,

世尊從三摩地安祥而起，讚觀世音自在菩薩摩訶薩言：「善哉，

Thế Tôn từng tam-ma-địa an tường nhi khởi , tán Quán Thế Âm tự tại Bồ-tát Ma-ha-tát ngôn : 「Thiện tai ,

Thế-Tôn xuất tam-ma-địa An Tường , khen ngợi Quán Thế Âm Tự Tại Đại Bồ-tát : 「Lành thay ,

World-Honored One exited from the Secure and Good samadhi , and praised the Great Bodhisattva Perceiver of World Cries and Free Reflection (Avalokitesvara) :

「Excellent ,

善哉！善男子！如是，如是！如汝所說。

Thiện tai ! Thiện nam tử ! như thị , như thị ! như nhữ sở thuyết 。

Lành thay ! Thiện nam tử ! đúng như thế , đúng như thế ! như ông đã nói 。

Excellent ! Good son ! It is so true , It is so true ! As you said 。

甚深般若波羅蜜多行，應如是行。如是行時，

thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa hành , ứng như thị hành 。

như thị hành thời , muốn tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa , nên đúng như thế mà tu hành 。

Lúc tu hành đúng như thế , The profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) should be thus practiced 。

Practicing in this manner 一切如來悉皆隨喜。」 爾時世尊如是說已，

nhất thiết Như Lai tất giai tùy hỷ 。

」 爾時 Thế Tôn như thị thuyết dĩ , tất cả các Như Lai đều tùy hỷ 。

」 Lúc Đức Thế Tôn nói như thế xong , will make all Tathagatas (sarvatathāgata) happy 。

」 爾時世尊如是說已， 具壽舍利子，觀世音自在菩薩，

Cụ thọ Xá-lợi-tử , Quán Thế Âm Tự Tại Bồ-tát ,

Cụ thọ Xá-lợi-tử , Quán Thế Âm Tự Tại Bồ-tát ,
Elder Śāriputra , Bodhisattva Perceiver of World Cries and Free Reflection
(Avalokitesvara)

及彼眾會一切世間天、人、阿蘇囉、嚧馱囉等，聞佛所說，皆大歡喜，
cập bĩ chúng hội nhất thiết thế gian Thiên、nhân、A-tu-la、Càn đà phược đấng ,
văn Phật sở thuyết , giai đại hoan hĩ ,
cùng hội chúng và tất cả Trời、người、A-tu-la、Càn-đà ... trên thế gian , nghe Phật
nói xong , đều rất hoan hỷ ,
and all the assembly and all gods、humans、azuras、gandharvas ... in the
world , after listening to the Buddha , all greatly rejoiced ,

信受奉行。
tín thọ phụng hành 。
tin nhận và phụng hành 。
accepted, believed and faithfully practiced.

般若波羅蜜多心經
Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 255 般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 255 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 255 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 255 Prajñāpāramitā (Wisdom Perfection) Heart Sutra

般若波羅蜜多心經(燉煌石室本)

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Đôn Hoàng Thạch Thất Bản)

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Bản Đôn Hoàng Thạch Thất)

Prajñāpāramitā (Wisdom Perfection) Heart Sutra (copy in Dunhuang's stone cave)

國大德三藏法師沙門法成譯

Quốc Đại Đức Tam Tạng Pháp Sư Sa Môn Pháp Thành dịch

Quốc Sư Đại-Đức Tam Tạng Pháp Sư Sa Môn Pháp Thành dịch

Translated by National Teacher and Tripitaka Master Fa-cheng

如是我聞： 一時薄伽梵住王舍城鷲峯山中，

như thị ngã văn : nhất thời Bạc Già Phạm trú Vương-Xá thành Thửu Phong sơn trung ,

Tôi nghe như vậy : Một thời Đức Thế Tôn ở trong núi Thửu Phong gần thành Vương-Xá ,

Thus have I heard : Once, the Bhavagat was in Gṛdhrakūṭa-parvata (Vulture Peak) near Rajagrika City ,

與大苾芻眾及諸菩薩摩訶薩俱。爾時，

dữ Đại Bát-sô chúng tập chư Bồ-Tát Ma-ha-tát câu 。 nhĩ thời ,

cùng các Đại Tỳ-kheo và các Đại Bồ-Tát hội họp 。 Lúc bấy giờ ,

with an assembly of Great Bhikshus and Great Bodhisattvas 。 At that time ,

世尊等入甚深明了三摩地法之異門。復於爾時，

Thế Tôn đẳng nhập thâm tâm minh liễu Tam-ma-địa pháp chi dị môn 。 phục ư nhĩ thời

Thế-Tôn nhập vào Tam-ma-địa pháp môn rất thâm sâu và sáng suốt 。 Cũng lúc bấy giờ ,

World Honored One entered the very profound and clear Samadhi 。 Again, at that time

觀自在菩薩摩訶薩行深般若波羅蜜多時 ,

Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa thời ,

Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ,

Free Reflection (Avalokitesvara) Great Bodhisattva while practicing the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) ,

觀察照見五蘊體性悉皆是空。 時 ,

quán sát chiếu kiến ngũ uẩn thể tánh tất giai thị không 。 thời ,

quán sát và soi thấy thể tánh của năm uẩn tất cả đều không 。 Lúc ấy ,

perceived the five skandhas/aggregates are all empty in their own nature . At that time,

具壽舍利子 , 承佛威力 ,

Cụ thọ Xá-lợi-tử , thừa Phật uy lực ,

Cụ thọ Xá-lợi-tử , nhờ oai lực của Phật ,

Elder Śāriputra , assisted by the powers of the Buddha,

白聖者觀自在菩薩摩訶薩曰 : 「若善男子欲修行甚深般若波羅蜜多者 ,

bạch Thánh Giả Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát viết : 「nhược Thiện nam tử dục tu hành thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa giả ,

bạch Thánh Giả Quán Tự Tại Đại Bồ-tát rằng : 「nếu Thiện nam tử muốn tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ,

asked the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「If a good son wants to learn and practice the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

復當云何修學？」作是語已。

phục dương vân hà tu học ?」 tác thị ngữ dĩ 。

phải làm sao để tu học ?」 Khi nói xong 。

how should he practice ?」 When he finished asking 。

觀自在菩薩摩訶薩答具壽舍利子言：「若善男子及善女人，

Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát đáp Cụ thọ Xá-lợi-tử ngôn：「nhược Thiện nam tử cập Thiện nữ nhân，

Quán Tự Tại Đại Bồ-tát đáp Cụ thọ Xá-lợi-tử：「Nếu Thiện nam tử hay Thiện nữ nhân，

the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) told Elder Śāriputra：「If Good

欲修行甚深般若波羅蜜多者，彼應如是觀察，

dục tu hành thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa giả，bỉ ưng như thị quan sát，

muốn tu hành thậm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa，thì nên quán sát như thế này，

men and Good women want to practice the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)，then they should perceive as follows:

五蘊體性皆空。色即是空，空即是色。色不異空，

ngũ uẩn thể tánh giai không。sắc tức thị không，không tức thị sắc。sắc bất dị không，

Thể tánh của năm uẩn đều không。sắc tức là không，không tức là sắc。sắc chẳng khác không，

The five skandhas/aggregates are empty in their own nature. Form is emptiness and emptiness (śūnyata) is form。Form is not different from emptiness

空不異色。如是受、想、行、識亦復皆空。

không bất dị sắc。như thị thọ、tưởng、hành、thức diệc phục giai không。

không chẳng khác sắc。và như thể thọ、tưởng、hành、thức cũng lại đều không。

and emptiness is not different from form 。 So too are feelings 、 perception 、 volitions 、 and consciousness 。

是故舍利子！一切法空性無相，無生無滅，無垢離垢，
thị cố Xá-lợi-tử ！ nhất thiết pháp không tánh vô tướng ， vô sanh vô diệt ， vô cấu ly cấu

，
Vì vậy Xá-lợi-tử ！ tất cả các pháp đều có tánh Không, không tướng ， không sanh không diệt ， không đơ lia đơ ，

Śāriputra ！ Thus, all things have the characteristic of emptiness ，

無減無增。舍利子！是故爾時空性之中，
vô giảm vô tăng 。 Xá-lợi-tử ！ thị cố nhĩ thời không tánh chi trung ，
không tăng không giảm 。 Xá-lợi-tử ！ Vì vậy trong tánh Không ，
which is neither increasing nor decreasing. Śāriputra ！ Thus, in emptiness

無色、無受、無想、無行亦無有識。

vô sắc 、 vô thọ 、 vô tưởng 、 vô hành diệc vô hữu thức 。

không sắc 、 không thọ 、 không tưởng 、 không hành cũng không có thức 。

there is no form (arūpa) ， no feeling 、 no perception 、 no volition 、 and no consciousness ，

無眼、無耳、無鼻、無舌、無身、無意。

vô nhãn 、 vô nhĩ 、 vô tỷ 、 vô thiệt 、 vô thân 、 vô ý 。

không mắt 、 không tai 、 không mũi 、 không lưỡi 、 không thân 、 không ý 。

no eye 、 no ear 、 no nose 、 no tongue 、 no body 、 no mind ，

無色、無聲、無香、無味、無觸、無法。無眼界乃至無意識界。

vô sắc 、 vô thanh 、 vô hương 、 vô vị 、 vô xúc 、 vô Pháp 。 vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới 。

không sắc 、 không tiếng 、 không hương 、 không mùi 、 không xúc 、 không Pháp
。 không nhãn giới cho đến không ý thức giới 。

no form (arūpa) 、 no sound 、 no smell 、 no taste 、 no sensations 、 no Dharma , no
realm of sight even no realm of consciousness

無無明亦無無明盡，乃至無老死亦無老死盡。無苦、集、滅、道，
vô vô minh diệt vô vô minh tận ， nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận 。 vô khổ 、 tập
、 diệt 、 đạo ，
không vô minh cũng không hết vô minh ， cho đến không già chết cũng không hết sự
già chết 。 không khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo ，

no ignorance also no end of ignorance ， no old age and death (jarāmaraṇa) and no end
of old age and death (jarāmaraṇa) 。 no suffering 、 no accumulating 、 no destroying 、 no
Way

無智無得亦無不得。
vô trí vô đắc diệt vô bất đắc 。

không trí không đắc cũng không bất đắc 。

no wisdom, no attainment and no non-attainment 。

是故舍利子！以無所得故，諸菩薩眾依止般若波羅蜜多，
thị cố Xá-lợi-tử ! dĩ vô sở đắc cố ， chư Bồ-tát chúng y chỉ Bát-nhã Ba-la-mật đa ，
Vì vậy Xá-lợi-tử ! vì không sở đắc nên các Bồ-tát dựa vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa ，

Śāriputra ! Because there is no attainment ， all Bodhisattvas depend on Prajñāpāramitā
(Perfect Wisdom)

心無障礙，無有恐怖，超過顛倒，究竟涅槃。

tâm vô chướng ngại , vô hữu khủng bố , siêu quá điên đảo , cứu cánh Niết Bàn 。
tâm không chướng ngại , không có lo sợ , vượt qua mọi điên đảo , cứu cánh Niết Bàn
。

and their mind is without obstruction 。 They have no fear , purge all delusions and inver-
sions to reach the Ultimate Nirvana 。

三世一切諸佛亦皆依般若波羅蜜多故 ,
tam thể nhất thiết chư Phật diệc giai y Bát-nhã Ba-la-mật đa cố ,
Tất cả chư Phật ba đời cũng đều nương vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên

All the Buddhas in three generations depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

證得無上正等菩提。
chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề 。
chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề 。

to attain the Supreme and Perfect Enlightenment

舍利子！是故當知般若波羅蜜多大密咒者，是大明咒，是無上咒，
Xá-lợi-tử ! thị cố đương tri Bát-nhã Ba-la-mật đa đại mật chú giả , thị Đại minh chú
, thị vô thượng chú ,
Xá-lợi-tử ! Phải nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại mật chú, là đại minh chú , là chú
vô thượng ,

Śāriputra ! It should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) is a great
secret mantra (true words) , a great bright mantra (true words) , the unsurpassed man-
tra (true words)

是無等等咒。能除一切諸苦之咒，真實無倒。

thị vô đẳng đẳng chú 。 năng trừ nhất thiết chư khổ chi chú , chân thật vô đảo 。
là chú không gì sánh bằng 。 Chú có thể trừ mọi khổ ách , chân thật không dối 。

and the unequalled mantra (true words) 。 It can relieve all sufferings and it is true not false 。

故知般若波羅蜜多是祕密咒。

cổ tri Bát-nhã Ba-la-mật đa thị bí mật chú 。

Nên biết chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa bí mật này 。

You should know this secret Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (true words) 。

」 即說般若波羅蜜多咒曰：

」 tức thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa chú viết：

」 nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa：

The Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (true words) should be recited：

「 𑖀帝 𑖀帝 波囉𑖀帝 波囉僧𑖀帝 菩提 莎訶

「 Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế Bò-đề Bà ha

「 Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế Bò-đề [Tát] Bà ha

गते गते पारगते पारसंगते

「 Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā 』

Praise to Enlightenment

「舍利子！菩薩摩訶薩應如是修學甚深般若

「Xá-lợi-tử ! Bồ-Tát Ma-ha-tát ứng như thị tu học thậm thâm Bát-nhã

「Xá-lợi-tử ! Đại Bồ-Tát tu học thậm sâu như thế Bát-nhã

Sāriputra ! All Great Bodhisattvas should thus practice the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

波羅蜜多。」 爾時，世尊從彼定起，

Ba-la-mật-đa 。

Ba-la-mật-đa 。

At that time , the World-Honored One exited from the samadhi

告聖者觀自在菩薩摩訶薩曰：「善哉，善哉！善男子！如是，

cáo Thánh Giả Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát viết : 「Thiện tai , Thiện tai ! Thiện nam tử ! như thị ,

bảo Thánh Giả Quán Tự Tại Đại Bồ-tát rằng : 「Lành thay , Lành thay ! Thiện nam tử ! đúng như thế ,

and told the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「Excellent , Excellent ! Good son ! It is so true ,

如是！如汝所說。彼當如是修學般若波羅蜜多。

như thị ! như nữ sở thuyết 。 dĩ đương như thị tu học Bát-nhã Ba-la-mật đa 。

đúng như thế ! như ông đã nói 。 Phải đúng như thế mà tu học Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。

It is so true ! As you said, the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) should be thus practiced .

一切如來亦當隨喜。」 時薄伽梵說是語已。

nhất thiết Như Lai diệc đương tùy hỷ 。

Tất cả các Như Lai cũng sẽ tùy hỷ 。

This will make all Tathagatas (sarvatathāgata) happy 。

具壽舍利子，聖者觀自在菩薩摩訶薩，

Cụ thọ Xá-lợi-tử，Thánh Giả Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát，

Cụ thọ Xá-lợi-tử，Thánh Giả Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát，

Elder Śāriputra，Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara)

一切世間天、人、阿蘇羅、乾闥婆等，聞佛所說，

nhất thiết thế gian Thiên、nhân、A-tô-la、Càn thát bà đẳng，văn Phật sở thuyết，

tất cả Trời、người、A-tu-la、Càn-thát-bà ... trên thế gian，nghe Phật nói xong，

and all gods、humans、azuras、gandharvas ... in the world，after listening to the Buddha，

皆大歡喜，信受奉行。

giai đại hoan hỷ，tín thọ phụng hành 。

đều rất hoan hỷ，tin nhận và phụng hành 。

all greatly rejoiced，accepted, believed and faithfully practiced.

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 257 佛說聖佛母般若波羅蜜多經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 257 Phật thuyết Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 257 Phật nói Kinh Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 257 Buddha speaks the Mother Buddha Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Sutra

佛說聖佛母般若波羅蜜多經

Phật thuyết Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh

Phật nói Kinh Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa

Buddha speaks the Buddha Mother Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Sutra

西天譯經三藏朝奉大夫試光祿卿

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triệu Phụng Đại phu thí Quang Lộc Khanh

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triệu Phụng Đại phu thí Quang Lộc Khanh

Translated by Imperial Edict by Indian Tripitaka Master

傳法大師賜紫臣施護奉 詔譯

Truyền Pháp Đại sư Tứ tử Thần Thí-Hộ phụng chiếu dịch

Truyền Pháp Đại sư Tứ tử Thí-Hộ phụng chiếu dịch

and Dharma Master Dānapāla

如是我聞： 一時，世尊在王舍城鷲峯山中，

như thị ngã văn： 一 thời，Thế Tôn tại Vương-Xá thành Thửu Phong sơn trung，

Tôi nghe như vậy： Một thời，Thế-Tôn ở trong núi Thửu Phong gần thành Vương-Xá

Thus have I heard： Once, the World-Honored One was in Gṛdhrakūṭa-parvata (Vulture Peak) near Rajagrika City，

與大苾芻眾千二百五十人俱，

dữ Đại Bí-sô chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu ,
cùng một ngàn hai trăm năm mươi Đại Tỳ-kheo hội họp ,

with an assembly of one thousand two hundred and fifty Great Bhikshus.

并諸菩薩摩訶薩眾而共圍繞。

trình chư Bồ-Tát Ma-ha-tát chúng nhi cộng vi nhiếu 。
đều là các Đại Bồ-Tát. Đại chúng cùng vây quanh Thế Tôn 。

All were Great Bodhisattvas 。 All were surrounding the World-Honored One.

爾時，世尊即入甚深光明宣說正法三摩地。

nhĩ thời , Thế Tôn tức nhập thậm thâm quang minh tuyên thuyết Chánh Pháp tam-ma-
địa 。

Lúc bấy giờ , Thế-Tôn nhập vào Tam-ma-địa Thậm thâm Quang minh để tuyên thuyết
Chánh Pháp 。

At that time , World-Honored One entered the samadhi named Very Profound and Very
Bright to expound the Right Dharma 。

時，觀自在菩薩摩訶薩在佛會中，

thời , Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát tại Phật hội trung ,
Lúc đó có Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát ở trong hội chúng của Phật .

At that time , there was a Great Bodhisattva named Free Reflection (Avalokitesvara) in
the assembly of the Buddha 。

而此菩薩摩訶薩已能修行甚深般若波羅蜜多，

nhĩ thử Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ năng tu hành thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa ,

Đại Bồ-tát này thường tu hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ,

This Great Bodhisattva usually practiced the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom),

觀見五蘊自性皆空。

quán kiến ngũ uẩn tự tánh giai không 。

quán thấy tự tánh của năm uẩn đều không 。

and perceived the five skandhas/aggregates are all empty in their own nature 。

爾時，尊者舍利子承佛威神，

nhi thời , Tôn-Giả Xá-lợi-tử thừa Phật uy thần ,

Lúc bấy giờ , Tôn Giả Xá-lợi-tử nhờ uy thần của Phật ,

Then Elder Śāriputra , helped by the awesome powers of Buddha ,

前白觀自在菩薩摩訶薩言：「若善男子、善女人，

tiền bạch Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát ngôn : 「nhược/nhã Thiện nam tử、thiện nữ nhân ,

trước bạch Quán Tự Tại Đại Bồ-tát rằng : 「Nếu Thiện nam tử hay Thiện nữ nhân

told the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「 If good sons and good daughters

於此甚深般若波羅蜜多法門，樂欲修學者，

ư thử thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Pháp môn , lạc dục tu học giả ,

đang ở đây muốn tu học thâm sâu Pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật-đa ,

who are here want to learn and practice the very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

當云何學？」時，
đương vân hà học？」thời，
thì phải làm thế nào để tu học？」Lúc ấy，

how should they practice？」Then，

觀自在菩薩摩訶薩告尊者舍利子言：「汝今諦聽，為汝宣說。若善男子、善女人，
Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát cáo Tôn-Giả Xá-lợi-tử ngôn：「nhữ kim để thính，vi
nhữ tuyên thuyết。nhược Thiện nam tử、thiện nữ nhân，
Quán Tự Tại Đại Bồ-tát bảo Tôn Giả Xá-lợi-tử：「Ông nay nghe kỹ，Ta sẽ vì Ông
mà nói。Nếu Thiện nam tử、hay Thiện nữ nhân，

the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) told Elder Śāriputra：「Listen
carefully！Because of you, I will speak. If Good men and good women

樂欲修學此甚深般若波羅蜜多法門者，
lạc dục tu học thử thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Pháp môn giả，
muốn tu học thâm sâu Pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật-đa Pháp này，

want to learn and practice this very profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

當觀五蘊自性皆空。
đương quán ngũ uẩn tự tánh giai không。
thì phải quán tự tánh của năm uẩn đều không。

they should perceive that the five skandhas/aggregates are empty in their own nature.

何名五蘊自性空耶？所謂即色是空，即空是色；色無異於空，空無異於色。
hà danh ngũ uẩn tự tánh không da？ sở vị tức sắc thị không， tức không thị sắc；
sắc vô dị ư không， không vô dị ư sắc。

Tên của tự tánh Không của năm uẩn là gì ? đó là sắc tức là không , không tức là sắc ; sắc không khác với không , không không khác với sắc 。

What is the empty characteristic of five skandhas/aggregates? That is, form is emptiness and emptiness (sūnyata) is form 。 Form is not different from emptiness and emptiness is not different from form 。

受、想、行、識，亦復如是。

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ， diệc phục như thị 。

thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ， cũng lại như vậy 。

So too are feelings 、 perception 、 volitions 、 and consciousness 。

「舍利子！此一切法如是空相，無所生無所滅，無垢染無清淨，

「Xá-lợi-tử ! thử nhất thiết pháp như thị không tướng , vô sở sanh vô sở diệt , vô cấu nhiễm vô thanh tịnh ,

「Xá-lợi-tử ! Tướng không ấy của mọi pháp cũng như thế , không sanh không diệt , không dơ bẩn cũng không thanh tịnh ,

Śāriputra ! The characteristic of emptiness of all things is, thus,

無增長無損減。舍利子！是故，空中無色，

vô tăng trưởng vô tổn giảm 。 Xá-lợi-tử ! thị cố , không trung vô sắc ,

không tăng trưởng cũng không tổn giảm 。

neither decreasing nor increasing. Śāriputra ! For this reason in emptiness, there is no form (arūpa)

無受、想、行、識；無眼、耳、鼻、舌、身、意；無色、聲、香、味、觸、法；

thị cố、tưởng、hành、thức；vô nhãn、nhĩ、tỳ、thiệt、thân、ý；vô sắc、

thanh、hương、vị、xúc、Pháp；

cũng như vậy 、 không tưởng 、 không hành 、 không thức ； không mắt 、 không tai 、 không mũi 、 không lưỡi 、 không thân 、 không ý ； không sắc 、 không tiếng 、 không hương 、 không mùi 、 không xúc 、 không Pháp ；

and, similarly, there is no feeling 、 no perception 、 no volition 、 and no consciousness , no eye 、 no ear 、 no nose 、 no tongue 、 no body 、 no mind , no form (arūpa) 、 no sound 、 no smell 、 no taste 、 no sensation 、 no Dharma ,

無眼界無眼識界 ，
vô nhãn giới vô nhãn thức giới ，
không nhãn giới không nhãn thức giới ，

no realm of sight and no realm of sight-consciousness 。

乃至無意界無意識界 ；無無明無無明盡 ，
nãi chí vô ý giới vô ý thức giới ； vô vô minh vô vô minh tận ，
cho đến không ý giới không ý thức giới ； không vô minh cũng không hết vô minh ，

even no realm of thought and no realm of thought-consciousness 。

no ignorance also no end of ignorance .

乃至無老死亦無老死盡 ；無苦、集、滅、道 ；無智，無所得，亦無無得。
nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận ； vô khổ、 tập、 diệt、 đạo ； vô trí ， vô sở đắc
， diệt vô vô đắc 。

cho đến không già chết cũng không hết sự già chết ； không khổ 、 không tập 、 không diệt 、 không đạo ； không trí ， không sở đắc ， cũng không vô đắc 。

even no old age and death (jarāmaraṇa) and no end of old age and death (jarāmaraṇa) 。

no suffering 、 no accumulating 、 no destroying 、 no Way , no wisdom , no attainment and no non-attainment ，

「舍利子！由是無得故，
「Xá-lợi-tử ! do thị vô đắc cố ,
「Xá-lợi-tử ! Vì không chứng đắc nên ,

Sāriputra ! Because there is no attainment ,

菩薩摩訶薩依般若波羅蜜多相應行故，
Bồ-tát Ma-ha-tát y Bát-nhã Ba-la-mật-đa tương ứng hành cố ,
Đại Bồ-tát nương nhờ Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà tu hành nên ,

all Great Bodhisattvas depend on Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) in their practice

心無所著亦無罣礙；以無著無礙故，無有恐怖，遠離一切顛倒妄想，
tâm vô sở trước diệc vô quái ngại ; dĩ vô trước vô ngại cố , vô hữu khủng bố , viễn
ly nhất thiết điên đảo vọng tưởng ,
tâm không mê đắm cũng không bị chướng ngại ; vì không mê đắm và không bị chướng
ngại nên không có lo sợ , xa lìa mọi điên đảo vọng tưởng ,

**and their mind is without delusion or obstruction 。 With their unobstructed mind , they
have no fear , purge all delusions and inversions to reach the Ultimate Extinction 。**

究竟圓寂。所有三世諸佛依此般若波羅蜜多故，
cứu cánh viên tịch 。 sở hữu tam thế chư Phật y thử Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố ,
cứu cánh viên tịch 。 Chư Phật ba đời nương nhờ Bát-nhã Ba-la-mật-đa này nên ,

to reach the Ultimate Extinction 。 The Buddhas in three generations depend on this Pra-
jñāpāramitā (Perfect Wisdom)

得阿耨多羅三藐三菩提。 「是故，
đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề 。 「thị cố，
chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 。 「vì vậy，

to attain the Supreme and Perfect Enlightenment. Thus,

應知般若波羅蜜多是廣大明、是無上明、是無等等明，
ứng tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa thị quảng đại minh、thị vô thượng minh、thị vô đẳng
đẳng minh，
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là quảng đại minh chú、là vô thượng minh chú、là
minh chú không gì sánh bằng，

it should be known that this Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) is a great mantra (true
words)，the unsurpassed mantra (true words)，and the unequalled mantra (true
words)。

而能息除一切苦惱，是即真實無虛妄法，
nhi năng tức trừ nhất thiết khổ não，thị tức chân thật vô hư vọng Pháp，
có thể trừ mọi khổ ách và phiền não，Pháp này chân thật không hư dối，

It can relieve all sufferings. It is true not false。

諸修學者當如是學。

chư tu học giả đương như thị học。

Các vị tu học phải học như thế。

All practionners should practice in this manner。

我今宣說般若波羅蜜多大明曰：

ngã kim tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa Đại Minh viết：

Ta nay nói Đại Minh Bát-nhã Ba-la-mật-đa rằng：

I now speak the Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) mantra (true words):

「怛(寧*也)(切身)他(引)(一句) 唵(引) 誡帝(引) 誡帝(引引)(二) 播(引)囉

「đát (ninh *dã)(thiết thân)tha (dẫn)(nhất cú) úm (dẫn) nga đế (dẫn) nga đế (dẫn dẫn)(nhị) bá (dẫn)La

「Yết đế Yết đế Ba la

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

誡帝(引)(三) 播(引)囉僧誡帝(引)(四) (日/月)提 莎(引)賀(引)(五)

nga đế (dẫn)(tam) bá (dẫn)La tăng nga đế (dẫn)(tứ) (viết /nguyệt)Đề bà (dẫn)hạ (dẫn)(ngũ)

Yết đế Ba la tăng Yết đế Bồ đề Tát bà ha

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā」

Praise to Enlightenment

「舍利子！諸菩薩摩訶薩，

「Xá-lợi-tử ! chư Bồ-tát Ma-ha-tát ,

「Xá-lợi-tử ! Các Đại Bồ-tát ,

Śāriputra ! All Great Bodhisattvas ,

若能誦是般若波羅蜜多明句，是即修學甚深般若波羅蜜多。

nhã năng tụng thị Bát-nhã Ba-la-mật đa minh cú , thị tức tu học thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa 。

nếu thường tụng minh chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa này , tức là tu học thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。

who frequently recite this mantra, are thus practicing the profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) 。

」爾時，世尊從三摩地安詳而起，

」nhĩ thời , Thế Tôn tòng tam-ma-địa an tường nhi khởi ,

」Lúc bấy giờ , Thế-Tôn xuất từ tam-ma-địa an tường ,

At that time , World-Honored One exited from the Secure and Good samadhi

讚觀自在菩薩摩訶薩言：「善哉，善哉！善男子！如汝所說，

tán Quán Tự Tại Bồ-Tát Ma-ha-tát ngôn : 「Thiện tai , Thiện tai ! Thiện nam tử ! như nữ sở thuyết ,

khen ngợi Quán Tự Tại Đại Bồ-Tát rằng : 「Lành thay , Lành thay ! Thiện nam tử ! như ông đã nói ,

and praised the Great Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) : 「Excellent , Excellent ! Good son ! As you said 。

如是，如是！般若波羅蜜多當如是學，

như thị , như thị ! Bát-nhã Ba-la-mật-đa đương như thị học ,

đúng như thế , đúng như thế ! Phải tu học Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế ,

It is so true , It is so true ! The profound Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) should be thus practiced 。

是即真實最上究竟，一切如來亦皆隨喜。

thị tức chân thật tối thượng cứu cánh , nhất thiết Như Lai diệc giai tùy hỷ 。

Pháp này chân thật , tối thượng và cứu cánh , tất cả các Như Lai cũng đều tùy hỷ 。

This Dharma is true and unsurpassed. It will make all Tathagatas (sarvatathāgata) happy 。

」佛說此經已，觀自在菩薩摩訶薩并諸苾芻，

」 Phật thuyết Kinh dĩ , Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát tinh chư Bí-sô ,
」 Khi Phật nói Kinh này xong , Quán Tự Tại Đại Bồ-tát cùng các Tỳ-kheo ,
When Buddha finished speaking this Sutra , Great Bodhisattva Free Reflection
(Avalokitesvara), the Bhikshus

乃至世間天、人、阿修羅、乾闥婆等一切大眾 ,
nãi chí thế gian thiên 、 nhân 、 A-tu-la 、 Càn thát bà đẳng nhất thiết Đại chúng ,
cho đến các Trời 、 người 、 A-tu-la 、 Càn-thát-bà ... trên thế gian cùng tất cả Đại
chúng ,
and all gods 、 humans 、 azuras 、 gandharvas ... in the world and all in the Great
Assembly

聞佛所說 , 皆大歡喜 , 信受奉行。
văn Phật sở thuyết , giai đại hoan hỷ , tín thọ phụng hành 。
nghe Phật nói xong , đều rất hoan hỷ , tin nhận và phụng hành 。
after listening to the Buddha , all greatly rejoiced , accepted, believed and faithfully
practiced.

佛說聖佛母般若波羅蜜多經
Phật thuyết Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh
Phật nói Kinh Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa
Buddha Speaks the Buddha Mother Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Sutra

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền
Phiên Âm và Lược Dịch Wed May 20 23:49:06 2009

=====